

TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP - KẾT TINH CỐT CÁCH VÀ TINH THẦN CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM

ĐINH QUANG THÀNH*

Ngày nhận bài: 05/8/2025 Ngày thẩm định: 10/8/2025 Ngày duyệt đăng: 15/9/2025

Tóm tắt: Bản Tuyên ngôn Độc lập của Chủ tịch Hồ Chí Minh là áng văn lập quốc vĩ đại, là văn bản chính trị - pháp lý đầu tiên của nước Việt Nam mới, công bố nền độc lập dân tộc và sự ra đời của chế độ mới - chế độ dân chủ cộng hòa. Bản Tuyên ngôn Độc lập đã đánh thép kết án chủ nghĩa thực dân và thể hiện rõ quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về quyền con người, quyền dân tộc; về cuộc đấu tranh giải phóng của nhân dân ta và quyết tâm của toàn thể dân tộc Việt Nam để bảo vệ nền độc lập mới giành được. Vì vậy, Tuyên ngôn Độc lập không chỉ là văn kiện chính trị - pháp lý khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, mà còn là kết tinh sâu sắc của tâm hồn, bản lĩnh và cốt cách dân tộc Việt Nam.

Từ khóa: Hồ Chí Minh; kết tinh cốt cách, tinh thần; Tuyên ngôn Độc lập; Việt Nam

1 Mở đầu
Sau khi Nhật đảo chính Pháp (ngày 09/3/1945), cao trào kháng Nhật lan rộng trong cả nước với nhiều cuộc đấu tranh vũ trang, chính trị và khởi nghĩa từng phần, tạo nên các căn cứ cách mạng. Từ tháng 5 - 8/1945, phong trào cách mạng phát triển mạnh. Ngày 19/8/1945, Hà Nội giành chính quyền, mở đầu cho thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám do Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo, chấm dứt ách thống trị của đế quốc, phong kiến, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Tuy nhiên, sau thắng lợi, đất nước phải đối mặt với muôn vàn khó khăn: quân Tưởng kéo vào miền Bắc, thực dân Pháp được quân Anh hậu thuẫn trở lại miền Nam, phản động trong nước nổi dậy, nền kinh tế kiệt quệ, nạn đói chưa được

khắc phục, hơn 90% dân mù chữ. Chính quyền cách mạng non trẻ bị đe dọa nghiêm trọng. Trong tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”, Chủ tịch Hồ Chí Minh, với tầm nhìn chiến lược, đã chủ động chuẩn bị cho việc công bố nền độc lập. Khoảng giữa tháng 5/1945, Người đề nghị được cung cấp bản *Tuyên ngôn Độc lập* của nước Mỹ để tham khảo. Từ ngày 25/8/1945, Người về ở nhà số 48 Hàng Ngang, Hà Nội và đến ngày 26/8/1945 đã chủ trì họp Thường vụ Trung ương quyết định chuẩn bị *Tuyên ngôn Độc lập*. Từ ngày 28 đến ngày 30/8/1945, Người dồn toàn tâm sức để soạn thảo văn kiện lịch sử này, tham khảo ý kiến nhiều người, trong đó có cả sĩ quan tình báo Mỹ. Sau khi hoàn chỉnh bản dự thảo vào ngày 31/8/1945, đúng 14 giờ ngày 02/9/1945, tại Quảng trường Ba Đình, Chủ tịch Hồ Chí Minh trình trọng đọc bản *Tuyên ngôn Độc lập*, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trước hàng chục vạn nhân dân.

* TS, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

2. Tuyên ngôn Độc lập - kết tinh tinh thần và cốt cách của dân tộc Việt Nam

Một là, *Tuyên ngôn Độc lập là kết tinh của truyền thống yêu nước, kiên cường, bất khuất của dân tộc Việt Nam*

Đọc theo tiến trình lịch sử, dân tộc Việt Nam luôn phải đối mặt với thiên tai khắc nghiệt và các cuộc xâm lăng từ bên ngoài. Chính những thử thách ấy đã hun đúc nên ý thức cộng đồng, tinh thần đoàn kết và cao hơn cả là lòng yêu nước, ý thức dân tộc sâu sắc. Tinh thần đó được gìn giữ, truyền từ đời này sang đời khác, thấm vào máu thịt mỗi người con đất Việt. Lịch sử ghi nhận, hơn một nghìn năm Bắc thuộc, nhân dân ta không ngừng đứng lên chống lại các thế lực phương Bắc, như Hán, Tùy, Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh, giành lại quyền độc lập dân tộc với những chiến công lẫy lừng gắn liền với tên tuổi của Hai Bà Trưng, Mai Hắc Đế, Ngô Quyền, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Nguyễn Huệ, Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám,... Sau này, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đúc kết truyền thống quý báu đó bằng nhận định nổi tiếng: “Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta... mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước”⁽¹⁾.

Chính sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước đã thôi thúc Hồ Chí Minh ra đi tìm đường cứu nước. Tình yêu Tổ quốc là nền tảng dẫn Người đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, để rồi khi giành được độc lập, tinh thần đó lại được tỏa sáng trong *Tuyên ngôn Độc lập* - bản văn đánh dấu sự ra đời của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Trong *Tuyên ngôn Độc lập*, lòng yêu nước gắn liền với ý thức sâu sắc về độc lập và chủ quyền dân tộc, tiếp nối mạch nguồn từ bài thơ *Nam quốc sơn hà* của Lý Thường Kiệt đến áng hùng văn *Bình Ngô đại cáo* của Nguyễn Trãi. Hồ Chí Minh khẳng định:

“Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và thực sự đã thành một nước tự do và độc lập”⁽²⁾. Đó là chân lý tất yếu, “lẽ phải không ai chối cãi được”, bởi “tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”⁽³⁾. Người còn viện dẫn những giá trị phổ quát của nhân loại được khẳng định trong *Tuyên ngôn Độc lập* của nước Mỹ (năm 1776) và *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* của Cách mạng Pháp (năm 1789) để chứng minh tính chính nghĩa của cách mạng Việt Nam, đồng thời vạch rõ bản chất phi nghĩa của thực dân Pháp.

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là chiến công vĩ đại đầu tiên của dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng. Lời khẳng định đanh thép “Không có gì quý hơn độc lập, tự do” đã trở thành biểu tượng cao nhất của chủ nghĩa yêu nước, là giá trị văn hóa tinh thần đặc sắc được hun đúc qua hàng nghìn năm lịch sử.

Từng câu, từng chữ trong bản *Tuyên ngôn Độc lập* đều toát lên tinh thần quật cường, không khuất phục trước mọi thế lực thống trị, dù là Pháp hay Nhật. Hồ Chí Minh trịnh trọng tuyên bố: “Toàn thể dân Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mệnh và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy”⁽⁴⁾.

Hai là, *Tuyên ngôn Độc lập là kết tinh của phẩm chất, trí tuệ, bản lĩnh Việt Nam*

Với tư duy chính trị sắc bén, Hồ Chí Minh đã thể hiện một trí tuệ lớn khi khéo léo vận dụng các giá trị phổ quát của nhân loại, như trích dẫn *Tuyên ngôn Độc lập* của Mỹ (năm 1776) và *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* của Cách mạng Pháp (năm 1789) để khẳng định chân lý về quyền sống, quyền tự do và mưu cầu hạnh phúc của mọi dân tộc: “Tất cả mọi người đều sinh ra bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được, trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh

phúc”⁽⁵⁾. Bản *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* của Cách mạng Pháp (năm 1789) đã viết “Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi, và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi”⁽⁶⁾. Từ đó, Người khẳng định: “Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được”⁽⁷⁾.

Từ quyền con người, Hồ Chí Minh suy rộng ra quyền dân tộc và dành cho mọi quốc gia - dân tộc trên thế giới: “Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”⁽⁸⁾. Ở đây, Hồ Chí Minh đã chuyển tiếp từ “quyền của mọi người” thành từ “quyền mọi dân tộc” - từ sự thể hiện những giá trị cá nhân vốn là đặc trưng của văn hóa phương Tây bằng những giá trị mang tính tập thể là đặc trưng của văn hóa phương Đông.

Không chỉ dừng lại ở đó, Người đã dùng chính lập luận của phương Tây để vạch trần tội ác và bác bỏ âm mưu tái xâm lược của thực dân Pháp, thể hiện bản lĩnh chính trị vững vàng trong bối cảnh đất nước đứng trước muôn vàn hiểm họa. Bản *Tuyên ngôn Độc lập* với phong cách diễn đạt cô đọng, lập luận chặt chẽ, hùng biện sắc sảo và có sức thuyết phục mạnh mẽ, kết hợp hài hòa giữa lý lẽ và cảm xúc, sự kiên quyết và tính nhân văn. Đây không chỉ là tiếng nói của một chính quyền non trẻ, mà là bản lĩnh của một dân tộc kiên cường, yêu chuộng hòa bình, sẵn sàng đứng lên bảo vệ nền độc lập thiêng liêng. *Tuyên ngôn Độc lập* đã khẳng định quyền tự quyết chính đáng của dân tộc Việt Nam, quyền được làm chủ đất nước, làm chủ vận mệnh và được sống trong tự do, bình đẳng như mọi dân tộc khác trên thế giới. Văn kiện lịch sử này là minh chứng hùng hồn cho trí tuệ sâu sắc, bản lĩnh kiên định và phẩm chất quật cường của nhân dân Việt Nam trên con đường giành và giữ độc lập.

Ba là, *Tuyên ngôn Độc lập* là kết tinh của khát vọng độc lập, tự do, dân chủ, công bằng

Tuyên ngôn Độc lập ngày 02/9/1945 không chỉ tuyên bố chấm dứt ách đô hộ của thực dân,

phát xít và khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, mà còn là kết tinh rực rỡ của khát vọng độc lập, tự do, dân chủ và công bằng - khát vọng nghìn đời của dân tộc Việt Nam. Mở đầu bản *Tuyên ngôn Độc lập*, Chủ tịch Hồ Chí Minh trích dẫn lời bất hủ trong *Tuyên ngôn Độc lập* của Mỹ (năm 1776) và *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* của Cách mạng Pháp (năm 1789) để khẳng định: Những quyền ấy không chỉ dành cho cá nhân, mà còn là quyền thiêng liêng của mọi dân tộc trên thế giới, trong đó có dân tộc Việt Nam. Qua đó, bản *Tuyên ngôn Độc lập* đã nêu bật tư tưởng dân chủ sâu sắc và khát vọng cháy bỏng của người Việt Nam về một xã hội công bằng, bác ái, nơi mọi người dân đều được sống tự do, bình đẳng và hạnh phúc. Đây là lý tưởng hướng đến một nhà nước của dân, do dân và vì dân - nơi quyền lực không nằm trong tay kẻ thống trị, mà thuộc về toàn thể nhân dân. Trong những câu văn đanh thép, giàu tính nhân văn ấy, *Tuyên ngôn Độc lập* không chỉ thể hiện lòng quả cảm đấu tranh giành độc lập, mà còn là lời hứa thiêng liêng với nhân dân về một tương lai không còn áp bức, bất công, nơi con người được tôn trọng, phẩm giá được bảo vệ và giá trị tự do, dân chủ trở thành nền tảng của quốc gia. Vì vậy, bản *Tuyên ngôn Độc lập* không chỉ mang ý nghĩa lịch sử, mà còn chứa đựng tầm nhìn chiến lược và lý tưởng nhân văn cao cả, làm sống dậy khát vọng muôn đời của dân tộc Việt Nam về một đất nước hòa bình, tự do, công bằng và hạnh phúc.

Bốn là, *Tuyên ngôn Độc lập* - kết tinh của cốt cách nhân văn, bao dung, yêu chuộng hòa bình của dân tộc Việt Nam

Bản *Tuyên ngôn Độc lập*, dù mạnh mẽ lên án và tố cáo tội ác của chủ nghĩa thực dân, phát xít, nhưng Hồ Chí Minh không một lời quy kết hay thể hiện thái độ thù hận với nhân dân Pháp hay Nhật. Người phân biệt rõ kẻ thù là chế độ thực dân, phát xít chứ không phải các dân tộc. Đây là thái độ ôn hòa, nhưng kiên quyết, thể hiện phẩm chất vị tha, bao dung vốn có của người Việt Nam. Theo Hồ Chí Minh:

“bọn thực dân Pháp lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái, đến cướp đất nước ta, áp bức đồng bào ta. Hành động của chúng trái hẳn với nhân đạo và chính nghĩa”⁽⁹⁾.

Về chính trị: thực dân Pháp tuyệt đối không cho nhân dân ta một chút quyền tự do dân chủ nào. Chúng thực hiện âm mưu thâm độc gây chia rẽ dân tộc, lập ba chế độ khác nhau ở Bắc, Trung, Nam để ngăn cản việc thống nhất nước nhà của ta, ngăn cản dân tộc ta đoàn kết. Chúng thi hành luật pháp dã man, đàn áp phong trào yêu nước, lập nhà tù nhiều hơn trường học. Chúng thẳng tay chém giết những người yêu nước, thương nòi của ta. Chúng tắm các cuộc khởi nghĩa của dân ta trong những bể máu.

Về văn hóa: thực dân Pháp ràng buộc dư luận, thi hành chính sách ngu dân. Chúng dùng thuốc phiện, rượu, cờ, để làm cho nòi giống ta suy nhược.

Về kinh tế: thực dân Pháp triệt để bóc lột nguyên liệu, sức lao động, thuế khóa và thực hiện chính sách độc quyền. Với chính sách khai thác tàn bạo, thực dân Pháp bóc lột dân ta đến tận xương tủy, khiến cho dân nghèo nàn, thiếu thốn, nước ta xơ xác, tiêu điều. Chúng cướp không ruộng đất, rừng mả, nguyên liệu. Chúng giữ độc quyền in giấy bạc, xuất cảng và nhập cảng. Chúng đặt ra hàng trăm thứ thuế vô lý, làm cho dân ta, nhất là dân cây và dân buôn, trở nên bần cùng. Chúng không cho các nhà tư sản ta được giàu lên. Chúng bóc lột công nhân ta một cách vô cùng tàn nhẫn,... Khi Nhật xâm lược Đông Dương, dân ta chịu hai tầng xiềng xích: Pháp và Nhật. Từ đó, dân ta càng cực khổ, nghèo nàn... từ Quảng Trị đến Bắc Kỳ, hơn hai triệu đồng bào ta bị chết đói⁽¹⁰⁾.

Như vậy, thực dân, phát xít đã tước đoạt quyền làm người cơ bản của nhân dân Việt Nam và tước đoạt quyền độc lập, tự do của dân tộc Việt Nam. Thực dân Pháp không chỉ thi hành chính sách cai trị tàn bạo, bóc lột nhân dân ta dã man, mà còn thể hiện rõ sự hèn nhát và bộ mặt phản bội khi phát xít Nhật xâm lược

Đông Dương. Mặc dù vậy, “đổi với người Pháp, đồng bào ta vẫn giữ một thái độ khoan hồng và nhân đạo. Sau cuộc biến động ngày 9 tháng 3, Việt Minh đã giúp cho nhiều người Pháp chạy qua biên thù, lại cứu cho người Pháp ra khỏi nhà giam Nhật và bảo vệ tính mạng, tài sản cho họ”⁽¹¹⁾.

Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong bản *Tuyên ngôn Độc lập*, đã thể hiện tinh thần đối thoại và mong muốn hợp tác với các quốc gia, thay vì đối đầu, thù địch. Đây là lựa chọn chiến lược trong bối cảnh đất nước vừa giành được độc lập và là biểu hiện sinh động của một dân tộc giàu lòng nhân ái, luôn đề cao tinh thần hòa hiếu, biết tôn trọng lẽ phải và các giá trị phổ quát của nhân loại. Không dừng lại ở việc khẳng định nền độc lập của dân tộc mình, *Tuyên ngôn Độc lập* còn là thông điệp gửi tới bạn bè quốc tế: Việt Nam là quốc gia yêu chuộng hòa bình, khao khát được sống tự do, được làm bạn với tất cả các nước trên nguyên tắc bình đẳng, công lý và nhân văn. Chính tinh thần bao dung, không cực đoan, không lấy hận thù đáp lại hận thù đã làm nên tầm vóc lớn lao cho văn kiện này và cho cả dân tộc Việt Nam. Trong thời khắc quyết định của lịch sử, giữa muôn vàn hiểm họa, người Việt Nam không chọn đối đầu, mà chọn đối thoại và hòa giải. Đây chính là biểu hiện cao đẹp của một dân tộc giàu truyền thống nhân đạo, nhân văn, luôn khát vọng sống trong hòa bình, tự do và hữu nghị. Vì vậy, *Tuyên ngôn Độc lập* không chỉ là lời tuyên bố dứt khoát về quyền tự chủ, mà còn là tuyên ngôn của một dân tộc bản lĩnh, bao dung và tâm hồn rộng mở trước thế giới.

3. Giá trị hiện thực của *Tuyên ngôn Độc lập* trong kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc

Tám thập niên đã trôi qua kể từ thắng lợi vĩ đại của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và bản *Tuyên ngôn Độc lập* lịch sử, đặc biệt qua gần 40 năm thực hiện đường lối đổi mới, vượt qua bao sóng gió, thác ghềnh, dân tộc Việt Nam đã giành được những thắng lợi to

lớn, có ý nghĩa lịch sử trong sự nghiệp cách mạng, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Tuyên ngôn Độc lập đã để lại những giá trị trường tồn và động lực tinh thần lớn lao để dân tộc ta vững bước đi lên trước bao biến thiên của lịch sử. Bảo vệ và phát triển thành quả Cách mạng Tháng Tám năm 1945, giữ vững lời thề trong *Tuyên ngôn Độc lập*: “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thực đã thành một nước tự do, độc lập. Toàn thể dân Việt Nam quyết định đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mệnh và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy”⁽¹²⁾, dân tộc Việt Nam đã viết lên những bản hùng ca trong các cuộc kháng chiến oanh liệt để bảo vệ Tổ quốc, đánh thắng chủ nghĩa thực dân cũ và mới, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thực hiện thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, góp phần quan trọng vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội,... Đây là những minh chứng hùng hồn về sức sống của cách mạng; về sức mạnh của một dân tộc luôn biết đoàn kết để đấu tranh vì khát vọng và chân lý: “Không có gì quý hơn độc lập tự do”.

Phát huy giá trị, tinh thần bất diệt của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và *Tuyên ngôn Độc lập*, kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại làm cho sức mạnh tổng hợp của quốc gia được nâng lên, tạo ra thế và lực mới cho đất nước tiếp tục phát triển đột phá trong kỷ nguyên mới với những triển vọng tốt đẹp cho toàn dân tộc. Tự hào về những trang sử vẻ vang của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 cùng những thắng lợi vĩ đại của dân tộc Việt Nam đã đạt được dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, ánh sáng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, hơn lúc nào hết, toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta cần phát huy cao độ giá trị kết tinh trong bản *Tuyên ngôn Độc lập*. Đây là bài học quý giá về nghệ thuật chớp thời cơ, đem sức ta mà tự giải phóng cho ta. Đồng thời, là bài học về giữ vững, phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng

Cộng sản trong tiến trình cách mạng, bài học về đoàn kết toàn dân tộc, phát huy sức mạnh vĩ đại của quần chúng nhân dân để thực hiện thắng lợi cuộc cách mạng giải phóng dân tộc và phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

Nắm vững thời cơ, tinh táo, tranh thủ, phát huy mọi thuận lợi và sáng suốt trong nhận diện nguy cơ để quyết tâm vượt qua mọi thách thức, phát huy truyền thống tự chủ, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc, tập hợp và huy động được hết thảy “tinh thần và lực lượng” trong nước và quốc tế, nhận thức sâu sắc và vận dụng sáng tạo những bài học lịch sử của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và *Tuyên ngôn Độc lập*, Đảng sẽ lãnh đạo, tổ chức thực hiện thắng lợi đường lối đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, xây dựng nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa hùng cường, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, hạnh phúc và đóng góp xứng đáng vào tiến trình phát triển tiến bộ, văn minh của nhân loại.

Tuyên ngôn Độc lập là văn kiện lịch sử kết tinh giá trị lý luận và thực tiễn sâu sắc không chỉ đối với dân tộc Việt Nam, mà còn góp phần quan trọng vào sự phát triển của phong trào giải phóng dân tộc trên toàn cầu và hệ thống pháp lý quốc tế hiện đại. Tác phẩm là bản cáo trạng đanh thép đối với chủ nghĩa thực dân, vạch trần bản chất tàn bạo, bóc lột và phản nhân đạo của thực dân, phát xít trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội. Với lý lẽ sắc bén và bằng chứng không thể chối cãi, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định quyền sống, quyền tự do, quyền độc lập và quyền tự quyết thiêng liêng, bất khả xâm phạm không chỉ với cá nhân, mà còn với cả một dân tộc. Bản *Tuyên ngôn Độc lập* lần đầu tiên đã mở rộng nội hàm khái niệm “nhân quyền”, gắn chặt quyền con người với quyền dân tộc, một tư tưởng mang tính cách mạng, vượt thời đại. Quan điểm này không chỉ bổ sung, phát triển những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin, mà còn thể hiện tư duy chính trị nhân văn sâu sắc của dân tộc Việt Nam.

Tuyên ngôn Độc lập là minh chứng rõ nét cho thắng lợi của tư tưởng giải phóng dân tộc Hồ Chí Minh và vai trò lãnh đạo sáng suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam. *Tuyên ngôn Độc lập* đã hợp pháp hóa thành quả của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, mở ra một thời đại mới cho dân tộc Việt Nam - thời đại Hồ Chí Minh với kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Trong thời khắc “ngàn cân treo sợi tóc”, bản *Tuyên ngôn Độc lập* đã phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân, khơi dậy tinh thần yêu nước, ý chí kiên cường và niềm tin mãnh liệt vào tương lai.

Trải qua chặng đường lịch sử nhiều thử thách, những tư tưởng về quyền tự do, dân chủ và độc lập dân tộc trong bản *Tuyên ngôn Độc lập* đã trở thành nền tảng hiến định trong các bản Hiến pháp, là kim chỉ nam cho đường lối phát triển đất nước. Bước vào kỷ nguyên đổi mới, hội nhập và phát triển, tinh thần của *Tuyên ngôn Độc lập* tiếp tục soi đường cho dân tộc Việt Nam vươn mình mạnh mẽ trên trường quốc tế, bảo vệ chủ quyền quốc gia, thúc đẩy dân chủ, bảo đảm quyền con người và quyền dân tộc không chỉ là mục tiêu, mà còn là động lực cốt lõi để xây dựng đất nước hùng cường, thịnh vượng, vì hạnh phúc của nhân dân. Trong hành trình phát triển của quốc gia - dân tộc, *Tuyên ngôn Độc lập* vẫn giữ nguyên giá trị như lời thề thiêng liêng, ngọn cờ dẫn đường để dân tộc Việt Nam tiếp tục chinh phục những đỉnh cao mới, xứng đáng với khát vọng vươn lên, trường tồn và phát triển bền vững trong kỷ nguyên mới.

4. Kết luận

Tuyên ngôn Độc lập kết tinh toàn diện những giá trị thiêng liêng, bền vững của dân tộc Việt Nam. Đó là tinh thần yêu nước nồng nàn, khát vọng độc lập, tự do, ý chí kiên cường bất khuất và cốt cách nhân văn sâu sắc. *Tuyên ngôn Độc lập* không chỉ là dấu mốc son trong lịch sử, mà còn là kim chỉ nam soi đường cho hành trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời đại mới. Trong bối cảnh đất nước đang bước vào giai đoạn phát triển mạnh mẽ, hội nhập sâu rộng với thế giới, việc phát huy giá trị của bản *Tuyên ngôn Độc lập* càng trở nên cấp thiết. Đây là nền tảng để giáo dục thế hệ trẻ về lý tưởng cách mạng, đạo đức công dân, lòng tự hào dân tộc và tinh thần trách nhiệm đối với đất nước. Đồng thời, là nguồn cảm hứng to lớn để khơi dậy khát vọng vươn lên, xây dựng nước Việt Nam hùng cường, thịnh vượng, sánh vai với các cường quốc năm châu như mong ước mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng gửi gắm trong từng câu chữ của bản *Tuyên ngôn Độc lập* lịch sử □

⁽¹⁾ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.7, tr.38

(2), (3), (4), (5), (6), (7), (8), (9), (10), (11) và (12) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.3, 1, 3, 1, 1, 1, 1, 1, 1-2, 2 và 3